

Số: /GP-UBND

Thái Bình, ngày tháng 12 năm 2021

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 258/TTr-SNNPTNT-TL ngày 24/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, với các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được cấp phép:

- Tên tổ chức, cá nhân: Tổng Công ty Viglacera-CTCP.

- Địa chỉ: Tầng 16,17, tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02435.536.660; Fax: 02435.536.671.

2. Tên hoạt động: Xả nước thải đã qua xử lý của Trạm xử lý nước thải giai đoạn 1 tại Khu Công nghiệp Tiên Hải của Tổng Công ty Viglacera-CTCP vào công trình thủy lợi kênh Long Hầu.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải: Nước thải sản xuất và sinh hoạt tại các nhà máy, xí nghiệp trong Khu Công nghiệp được xử lý sơ bộ, sau đó được thu gom bằng các đường ống HDPE, ống tròn bê tông cốt thép tự chảy về các trạm bơm chuyên sau đó được bơm về Trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE có áp.

Quy trình xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Hồ bơm nước thải TK01 → Bể tách cát, dầu mỡ TK02 → Bể điều hòa TK03 → Bể điều chỉnh pH TK04 → Bể keo tụ TK05 → Bể tạo bông TK06 → Bể lắng sơ cấp TK07 → Bể trung gian TK 08 → Bể Anoxic TK09 A/B → Bể Aerotank TK10 A/B → Bể lắng thứ cấp TK11 A/B → Bể khử trùng TK12 → Mương quan trắc TK18 → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) chảy ra kênh Long Hầu bằng cống dẫn BTCT φ600mm.

Bùn từ bể lắng sơ cấp TK07 dẫn về bể nén bùn TK13, bùn từ bể lắng thứ cấp TK11 A/B được chảy về ngăn thu bùn, một phần tuần hoàn về bể trung gian TK08, phần còn lại sẽ bơm về bể nén bùn TK13 → máy ép bùn, bùn khô mang đi xử lý theo chất thải rắn đúng quy định.

3. Vị trí xả nước thải: Xả nước thải đã qua xử lý vào kênh Long Hầu, có toạ độ X(m): 2255484,183; Y(m): 606291,970 (Kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, hệ toạ độ VN-2000) tại Khu Công nghiệp Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

4. Nội dung xả nước thải:

- Lưu lượng xả lớn nhất $Q_{\max} = 3.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;
- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày;
- Phương thức xả nước thải: Hệ thống tự chảy, xả mặt và xả ven bờ.

5. Thời hạn của Giấy phép: 05 năm (Tính từ ngày ban hành Giấy phép).

6. Chất lượng nước thải: Giá trị các thông số ô nhiễm của nước thải đã qua xử lý vào kênh Long Hầu không vượt quá quy định tại cột A, giá trị $C_{\max}$ (Tính với $K_q=0,9$; $K_f=1,0$) của QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổng Công ty Viglacera-CTCP:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ và các nội dung được cấp phép.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống thu gom nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp trong Khu Công nghiệp về trạm xử lý nước thải tập trung. Trường hợp phát hiện có hiện tượng rò rỉ, chảy tràn nước thải phải có biện pháp khắc phục kịp thời để đảm bảo nước thải được thu gom triệt để về trạm xử lý nước thải.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải được xử lý triệt để, nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm không vượt quá quy định tại cột A, giá trị $C_{\max}$ của QCVN40:2011/BTNMT trước khi xả vào công trình thủy lợi.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải vào công trình thủy lợi; có trang thiết bị tự kiểm tra chất lượng nước thải; sổ nhật ký ghi chép hằng ngày để báo cáo khi có đoàn kiểm tra thường kỳ và đột xuất.

- Thực hiện quản lý, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, kết nối dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình để theo dõi, giám sát.

- Khi hệ thống xử lý nước thải đi vào vận hành thử nghiệm, phải lấy mẫu kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đúng quy định trước khi xả vào hệ thống công trình thủy lợi và gửi báo cáo kết quả phân tích chất lượng nước thải về Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình để kiểm tra, giám sát.

- Gửi báo cáo kết quả phân tích chất lượng nước thải vào công trình thủy lợi về Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình theo định kỳ 04 lần/năm, trước ngày: 15/3; 15/6; 15/9 và 15/12 hằng năm.

- Trong thời hạn sử dụng Giấy phép chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình về việc chấp hành Luật Thủy lợi.

- Trước khi hết hạn Giấy phép ít nhất 45 ngày phải làm thủ tục xin gia hạn sử dụng Giấy phép theo quy định.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình có trách nhiệm cử cán bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành Luật Thủy lợi và các yêu cầu tại Giấy phép này của Tổng Công ty Viglacera-CTCP; nếu phát hiện vi phạm phải lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu Kinh tế và các khu Công nghiệp tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình; Tổng Công ty Viglacera-CTCP; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn

Phụ lục**GIỚI HẠN CHO PHÉP LỚN NHẤT CÁC THÔNG SỐ Ô NHIỄM
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP***(Kèm theo Giấy phép số _____/GP-UBND ngày ____/12/2021 của UBND tỉnh Thái Bình).*

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN40:2011/BTNMT CỘT A, GIÁ TRỊ C_{max} (Tính với K_q=0,9; K_f = 1,0)
1	Nhiệt độ	⁰ C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	27
5	COD	mg/l	67,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
7	Asen	mg/l	0,045
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045
9	Chì	mg/l	0,09
10	Cadimi	mg/l	0,045
11	Crom (VI)	mg/l	0,045
12	Crom (III)	mg/l	0,18
13	Đồng	mg/l	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7
15	Niken	mg/l	0,18
16	Mangan	mg/l	0,45
17	Sắt	mg/l	0,9
18	Tổng Xianua	mg/l	0,063
19	Tổng phenol	mg/l	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
21	Sunfua	mg/l	0,18
22	Florua	mg/l	4,5
23	Amoni (Tính theo N)	mg/l	4,5
24	Tổng Nitơ	mg/l	18
25	Tổng phot pho (Tính theo P)	mg/l	3,6
26	Clorua (Không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450
27	Clo dư	mg/l	0,9
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,27
30	Tổng PCB	mg/l	0,0027
31	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3000
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0

